

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bổ sung bảng giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 966/TTr-STC ngày 21/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành bổ sung vào bảng giá tính lệ phí trước bạ xe ô tô, xe gắn máy tại Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước (có phụ lục kèm theo).

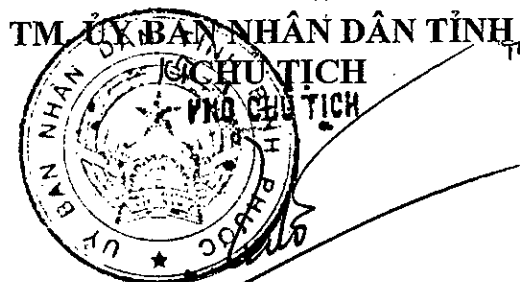
Điều 2: Mức giá trên là cơ sở để các cơ quan chức năng tính thu lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành; Riêng tài sản mua trực tiếp của cơ sở được phép sản xuất, lắp ráp trong nước, giá tính lệ phí trước bạ là giá thực tế thanh toán ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp.

Điều 3: Quyết định này thay thế Quyết định số 09/QĐ-STC ngày 14/01/2014, Quyết định số 12/QĐ-STC ngày 21/01/2014 và Quyết định số 17/QĐ-STC ngày 19/02/2014 của Sở Tài chính về ban hành bổ sung bảng giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4: Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KTTH;
- Lưu VT. 16x

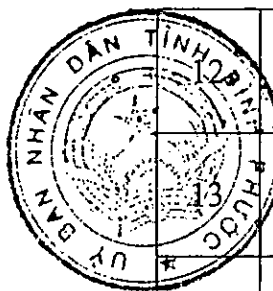


Phạm Văn Công

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ XE (BỔ SUNG) TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

Kèm theo Quyết định số 868 /QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh

	Loại/Hiệu xe	Mức giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Xe ô tô nhãn hiệu: Kawasaki Z1000ABS; nhập khẩu từ Nhật Bản; sản xuất năm 2013; loại xe: Mô tô 02 bánh; dung tích xi lanh: 1.043cc.	502.000.000	
2	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Grand Livina L10A; động cơ xăng, dung tích xi lanh: 1.798cc, 07 chỗ ngồi, số tự động 4 cấp; năm sản xuất: 2011; loại xe: Lắp ráp trong nước	635.000.000	
3	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Grand Livina L10A; động cơ xăng, dung tích xi lanh: 1.798cc, 07 chỗ ngồi, số tự động 4 cấp; năm sản xuất: 2012; loại xe: Lắp ráp trong nước	655.000.000	
4	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Grand Livina L10M; động cơ xăng, dung tích xi lanh: 1.798cc, 07 chỗ ngồi, số sàn 6 cấp; năm sản xuất: 2011; loại xe: Lắp ráp trong nước	613.500.000	
5	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Grand Livina L10M; động cơ xăng, dung tích xi lanh: 1.798cc, 07 chỗ ngồi, số sàn 6 cấp; năm sản xuất: 2012; loại xe: Lắp ráp trong nước	633.500.000	
6	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Navara LE; động cơ dầu, dung tích xi lanh: 2.488cc, ô tô tải (pick up), số sàn 6 cấp, 02 cầu; năm sản xuất: 2012, 2013, 2014; loại xe: Nhập khẩu từ Thái Lan	686.500.000	
7	Xe ô tô nhãn hiệu: Nissan; số loại: Navara XE; động cơ dầu, dung tích xi lanh: 2.488cc, ô tô tải (pick up), số tự động 5 cấp, 02 cầu; năm sản xuất: 2012, 2013, 2014; loại xe: Nhập khẩu từ Thái Lan	769.950.000	
8	Xe ô tô khách nhãn hiệu: Hyundai County 2-2; Hàn Quốc sản xuất; số chỗ ngồi: 29; sản xuất năm 2013; dung tích xi lanh: 3.907 m ³	1.125.000.000	
9	Xe mô tô nhãn hiệu: Suzuki Axelo 125RR; sản xuất tại Việt Nam; dung tích xi lanh: 124cm ³ ;	26.490.000	
10	Xe ô tô tải nhãn hiệu: Hyundai Mega 5 ton; Hàn Quốc sản xuất; dung tích xi lanh: 5.899 m ³ ; sản xuất năm 2008;	615.000.000	
11	Xe ô tô tải nhãn hiệu: Hyundai HD250/DT-TMB; Hàn Quốc sản xuất; dung tích xi lanh: 11.149 m ³ ; sản xuất năm 2008;	1.720.000.000	



	Xe ô tô nhãn hiệu: Luxgen U7 22T; Đài Loan sản xuất; dung tích xi lanh: 2.198 m ³ ; sản xuất năm 2012;	1.058.000.000	
	Xe mô tô nhãn hiệu: Honda; số loại: JIAPENG 150E-2A, xuất xứ: Trung Quốc; sản xuất năm 2011; dung tích xi lanh: 149,4 cm ³	28.500.000	
14	Xe ô tô nhãn hiệu: Mitsubishi Pajero; số chỗ ngồi: 05; năm sản xuất: 2013; xuất xứ: Nhật Bản; dung tích: 2.972cc	1.201.200.000	
15	Xe ô tô chuyên dùng chở tiền nhãn hiệu: FORD EVEREST; nhập khẩu từ Thái Lan; số chỗ ngồi: 05; sản xuất năm 2012; dung tích xi lanh: 2.499 m ³	963.000.000	